



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

BẢN SAO

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG THÁP**

**Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**

**CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG THÁP**

**Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015**

...

PHƯỜNG HOA

MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Hội đồng thành viên	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh riêng	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 29

304
CH
ÔNG
KẾ
SÁ

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015.

1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Châu Thành
- Ông Nguyễn Hữu Phước
- Ông Phạm Văn Châu
- Bà Trần Thị Thúy Hằng

Chức vụ

- Chủ tịch Hội đồng thành viên
- Thành viên
- Thành viên, miễn nhiệm ngày 30/06/2015
- Thành viên, bổ nhiệm ngày 07/09/2015

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Võ Đình Quốc Huy

Chức vụ

- Kiểm soát viên, bổ nhiệm ngày 15/05/2013

3. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Hữu Phước
- Ông Phạm Văn Châu
- Ông Thái Văn Thum
- Bà Trần Thị Thúy Hằng

Chức vụ

- Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc, miễn nhiệm ngày 01/07/2015
- Phó Tổng Giám đốc
- Phó Tổng Giám đốc

4. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.
- Xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng;
- Khai thác cát;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động như đã liệt kê trên, ngoại trừ các hoạt động sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền và kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

- 5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.**



CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 29.

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Hội đồng thành viên công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong báo cáo tài chính riêng.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015 của Công ty.

9. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính riêng

Hội đồng thành viên công ty phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm. Báo cáo tài chính riêng này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2015, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Nguyễn Châu Thành

Chủ tịch Hội đồng thành viên

Đồng Tháp, ngày 04 tháng 05 năm 2016

CHỨNG THỰC CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Số chứng thực...**Quyển số...SCT/BS**

Ngày...**26** tháng...**7** năm 20**16**...

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận



Võ Minh Khanh



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT
Sao Viet Auditing Company Limited

386/51 Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3526 1357 - 3526 1358 * Fax: (84-8) 3526 1359 * Email: svc-hcm@vnn.vn

Số: 57 /2016/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp ("Công ty"), được lập ngày 04 tháng 05 năm 2016, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.



**CHỨNG THỰC BẢN SAO
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực 7714. Quyền số 1...SCT/BS

Ngày 26 tháng 7 năm 2016

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận



Nguyễn Quang Nhơn

Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 04 tháng 05 năm 2016

Đặng Thị Thiên Nga

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0462-2013-107-1

Võ Minh Khanh

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		405.178.147.817	395.582.797.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.766.854.744	856.443.585
1. Tiền	111		6.766.854.744	856.443.585
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	223.000.000.000	252.192.638.889
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		223.000.000.000	252.192.638.889
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	77.898.149.662	52.247.603.975
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		61.846.714.033	46.845.112.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.136.714.121	5.646.724.139
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6.914.721.508	2.220.161.678
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	(2.464.394.780)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	95.371.428.482	88.817.399.087
1. Hàng tồn kho	141		95.371.428.482	89.116.269.585
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(298.870.498)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	2.141.714.929	1.468.711.872
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.022.992.929	1.349.989.872
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		118.722.000	118.722.000
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		104.141.772.495	84.130.016.917
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.6	1.962.324.815	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		1.962.324.815	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		87.775.165.862	67.769.456.765
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	84.992.729.554	64.799.742.049
<i>Nguyên giá</i>	222		181.796.478.532	157.161.199.367
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(96.803.748.978)	(92.361.457.318)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	2.782.436.308	2.969.714.716
<i>Nguyên giá</i>	228		4.986.604.330	4.986.604.330
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.204.168.022)	(2.016.889.614)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	1.130.181.818	658.598.168
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.130.181.818	658.598.168
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	11.897.500.000	14.589.961.984
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.897.500.000	11.897.500.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.000.000.000	12.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.192.413.670)	(10.499.951.686)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.11	1.376.600.000	1.112.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.376.600.000	1.112.000.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		509.319.920.312	479.712.814.325

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		166.423.534.947	120.726.948.990
I. Nợ ngắn hạn	310		121.395.021.997	97.042.985.307
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	8.181.738.998	9.556.221.888
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		27.665.838.288	7.987.280.455
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	6.057.886.455	7.798.459.200
4. Phải trả người lao động	314		24.283.769.254	18.696.897.871
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	6.104.396.054	5.691.113.230
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	12.447.380.193	265.687.453
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	4.999.995.608	8.914.827.006
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	2.248.351.959
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		31.654.017.147	35.884.146.245
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		45.028.512.950	23.683.963.683
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17	40.895.436.823	22.330.520.453
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18	4.133.076.127	1.353.443.230
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		342.896.385.365	358.985.865.335
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	342.896.385.365	358.985.865.335
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		307.249.526.616	307.249.526.616
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.646.858.749	51.736.338.719
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		509.319.920.312	479.712.814.325

Số chứng thực: 7715. Quyền số: 01.SCT/BS

Ngày: 26..tháng...7..năm 2016..

Châu Thị BND phường Hòa Thuận



Nguyễn Thu Cúc
Người lập biểu

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Võ Minh Khanh



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Lập ngày 04 tháng 05 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	345.238.354.698	318.965.131.244
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.129.037.274	312.668.670
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		343.109.317.424	318.652.462.574
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	262.158.311.689	248.705.092.764
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		80.951.005.735	69.947.369.810
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	15.781.965.483	18.695.830.053
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	(435.384.969)	6.551.609.889
Trong đó: chi phí lãi vay	23		366.153.047	530.714.635
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	22.151.776.565	20.775.837.522
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	43.567.115.947	38.803.396.315
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.449.463.675	22.512.356.137
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.732.153.267	7.994.181.021
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.666.613.918	529.664.742
13. Lợi nhuận khác	40		4.065.539.349	7.464.516.279
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.515.003.024	29.976.872.416
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10	7.817.303.669	6.480.066.168
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>27.697.699.355</u>	<u>23.496.806.248</u>

Số chứng thực 7716. Quyền số 01...SCT/BS

Ngày 26 tháng 7 năm 2016...

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận

Nguyễn Thu Cúc
Người lập biểuNguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng**Võ Minh Khanh**Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Lập ngày 04 tháng 05 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		405.210.926.396	365.880.227.278
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(89.105.442.781)	(65.124.515.054)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(31.448.126.900)	(24.888.316.964)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(967.413.548)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	(5.014.867.757)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.842.128.869	26.426.386.854
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(316.370.405.239)	(255.106.484.740)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.870.919.655)	41.205.016.069
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(18.225.884.364)	(19.638.985.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.706.363.637
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(91.000.000.000)	(121.692.638.889)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		107.192.638.889	80.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.922.900.938	17.832.205.422
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.889.655.463	(40.793.055.469)

CÔNG TY TNHH MTV XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: số 3, đường Tôn Đức Thắng, phường 1, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		65.075.586.110	99.773.397.826
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(56.183.910.759)	(101.273.648.574)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		8.891.675.351	(1.500.250.748)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		5.910.411.159	(1.088.290.148)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	856.443.585	1.944.733.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.766.854.744	856.443.585

CHỨNG THỰC BẢN SẠO

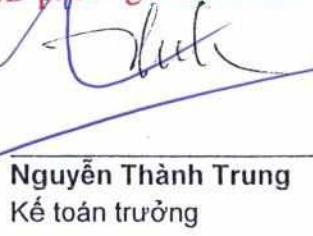
ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Số chứng thực: 77.17. Quyển số: 01.SCT/BŞ

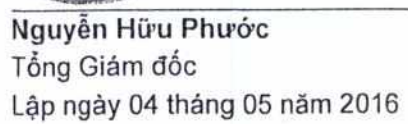
Ngày: 26. tháng 7. năm 2016....

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận


 Nguyễn Thu Cúc
 Người lập biểu


 Nguyễn Thành Trung
 Kế toán trưởng


 CÔNG TY
 TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
 MỘT THÀNH VIÊN
 XÂY LẬP VÀ
 VẬT LIỆU XÂY DỰNG
 ĐỒNG THÁP
 TP. CAO LÃNH - T. ĐỒNG THÁP


 Nguyễn Hữu Phước
 Tổng Giám đốc
 Lập ngày 04 tháng 05 năm 2016

Võ Minh Khanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đồng Tháp là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 79/QĐ-UBND-TL ngày 29/06/2010 và theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 1400101396 cấp lần đầu ngày 09/07/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/01/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 307.249.526.616 đồng.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 là: 307.249.526.616 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất công nghiệp;
Kinh doanh thương mại, dịch vụ;
Kinh doanh xây lắp, khai thác cát.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty trong năm chủ yếu bao gồm:

- Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê;
- Lắp đặt hệ thống chiếu sáng đô thị, công trình công cộng;
- San lấp mặt bằng;
- Xây dựng công trình công nghiệp. Đầu tư xây dựng kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Thi công xây dựng công trình thủy lợi (nạo vét kênh mương). Thi công công trình bờ kè, cầu cảng.
- Xây dựng công trình công cộng; đường dây và trạm biến áp có cấp điện đến 35KV
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm khác từ xi măng, vữa;
- Lập dự án đầu tư (báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo đầu tư);
- Quản lý đầu tư xây dựng; khảo sát xây dựng; giám sát thi công xây lắp;
- Thiết kế cho các công trình dân dụng, công nghiệp;
- Thử nghiệm cơ lý vật liệu xây dựng, kiểm định chất lượng xây dựng;
- Khai thác cát;
- Mua bán vật liệu xây dựng;
- Sản xuất bê tông trộn sẵn.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hầu hết các hoạt động như đã liệt kê trên, ngoại trừ các hoạt động sản xuất gạch ngói nung và gạch lát nền và kinh doanh gỗ tròn và gỗ xẻ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết:

Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	51,0%	51,0%	Kinh doanh vận tải hàng hóa đường thủy và đường bộ.
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Xây dựng BMC ĐT	Cao Lãnh, Đồng Tháp	68,0%	68,0%	Thiết kế, khảo sát, giám sát công trình xây dựng.
Công ty TNHH Bóng đá Đồng Tháp	Cao Lãnh, Đồng Tháp	20,0%	20,0%	Bóng đá

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân:

Tên	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp xây dựng;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Xây dựng
Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Đầu tư và kinh doanh nhà đất
Xí nghiệp cơ khí sửa chữa;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sửa chữa cơ khí
Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng BMC – DT;	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Thử nghiệm và kiểm định chất lượng xây dựng
Nhà máy bê tông.	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sản xuất bê tông
Sàn giao dịch bất động sản	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Sàn giao dịch bất động sản
Ban QLDA KCN Trần Quốc Toàn	Cao Lãnh, Đồng Tháp	Khu công nghiệp

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài Chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC - Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại điểm 4, mục VIII của bản Thuyết minh này.

4. Cổ phần hóa

Theo Quyết định số 247/QĐ-UBND-HC ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty để cổ phần hóa là ngày 01/01/2016. Do vậy, Công ty đã hoàn nhập tất cả các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng bảo hành công trình xây dựng. Đối với khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư, Công ty chưa hoàn nhập dự phòng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các tài khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và số dư của các tài khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra tại ngày 31/12/2015 của Ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố. Khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục nêu trên được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, phí ngân hàng.... Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

1-00
LÃNH
Y TNHH
CÁN
VIỆT
2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được ghi nhận trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác: dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

4. Nguyên tắc kê toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Nhập trước xuất trước

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TSCĐ khác
- TSCĐ vô hình

Thời gian khấu hao ước tính

- 10 - 25 năm
- 6 - 30 năm
- 6 - 10 năm
- 4 - 7 năm
- 10 - 20 năm
- 5 năm

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp được áp dụng tại Công ty là 22%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản nợ vay và nợ phải trả thuê tài chính có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Trong năm, không phát sinh các khoản chi phí đi vay nào được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả như: chi phí lãi vay, cước tàu, tiền điện, kiểm định... được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện đối với hoạt động cho thuê tài sản được ghi nhận trên cơ sở hợp đồng cho thuê tài sản và số tiền thuế đã thu.

14. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài Chính

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận căn cứ vào báo cáo khối lượng xây lắp đã hoàn thành và nghiệm thu hoặc báo cáo quyết toán.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Đối với các khoản thu nhập từ hoạt động mua, bán chứng khoán, ngoại tệ, doanh thu được ghi nhận là số chênh lệch giữa giá bán lớn hơn giá mua.

Đối với cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi có nghị quyết hoặc quyết định chia.

16. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

18. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ	5.346.981.389	163.374.372
Tiền gửi ngân hàng	1.419.873.355 (a)	693.069.213
Cộng	<u>6.766.854.744</u>	<u>856.443.585</u>

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vietinbank Đồng Tháp	1.400.183.261	655.848.737
- Sacombank Đồng Tháp	1.067.719	12.562.968
- Ngân hàng Phương Nam Đồng Tháp	13.943.927	20.038.260
- Agribank Cao Lãnh, Đồng Tháp	4.678.448	4.619.248
Cộng	<u>1.419.873.355</u>	<u>693.069.213</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	223.000.000.000 (b)	252.192.638.889
Cộng	<u>223.000.000.000</u>	<u>252.192.638.889</u>

(b) Chi tiết số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	223.000.000.000	223.000.000.000	252.192.638.889	252.192.638.889
Cộng	<u>223.000.000.000</u>	<u>223.000.000.000</u>	<u>252.192.638.889</u>	<u>252.192.638.889</u>

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	61.846.714.033 (c)	46.845.112.940
Trả trước cho người bán ngắn hạn	9.136.714.121 (d)	5.646.724.139
Phải thu ngắn hạn khác	6.914.721.508 (e)	2.220.161.676
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(2.464.394.780)
Cộng	<u>77.898.149.662</u>	<u>52.247.603.975</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	8.679.434.892	13.656.752.082
- Xí nghiệp xây dựng	22.798.128.411	11.056.740.331
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	38.000.000	
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	21.045.738.000	16.522.215.000
- Nhà máy bê tông	6.238.025.926	3.478.357.649
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	530.205.189	365.841.691
- Cửa hàng Trần Quốc Toản	939.838.952	511.458.469
- Cửa hàng Cao Lãnh	939.220.699	597.931.761
- Cửa hàng Sa Đéc	494.697.889	629.121.457
- Cửa hàng Xẻo Vạt	143.424.075	26.694.500
Cộng	<u>61.846.714.033</u>	<u>46.845.112.940</u>

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	4.002.282.511	3.265.987.404
- Xí nghiệp xây dựng	1.117.044.010	1.794.332.735
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	3.973.887.600	421.824.000
- Nhà máy bê tông	30.500.000	48.580.000
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	13.000.000	116.000.000
Cộng	<u>9.136.714.121</u>	<u>5.646.724.139</u>

(e) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	204.060.000	-
- Tạm ứng	1.354.309.757	544.565.854
- Các khoản ký quỹ, ký cược	-	1.049.176.967
- Ban quản lý dự án Trần Quốc Toản	-	464.784.503
- Phải thu khác	5.356.351.751	161.634.352
Cộng	<u>6.914.721.508</u>	<u>2.220.161.676</u>

(f) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số cần lập dự phòng</u>
- Nợ quá hạn từ 180 đến 360 ngày	185.991.609	30%	55.797.483
- Nợ quá hạn từ 1 đến dưới 2 năm	30.000.000	50%	15.000.000
- Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	382.861.558	70%	268.003.091
- Nợ quá hạn trên 3 năm	89.639.645	100%	89.639.645
Cộng			<u>428.440.219</u>

Theo Quyết định số 247/QĐ-UBND-HC ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty để cổ phần hóa là ngày 01/01/2016. Do vậy, Công ty đã hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

4. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	13.699.659.083 (g)	18.263.275.397
Công cụ, dụng cụ	-	408.972.280
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.502.778.677 (h)	6.414.609.288
Thành phẩm	6.773.202.876 (i)	4.533.355.947
Hàng hoá	5.688.651.970 (j)	4.191.160.547
Hàng hoá bất động sản	56.707.135.876 (k)	55.304.896.126
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(298.870.498)
Cộng	<u>95.371.428.482</u>	<u>88.817.399.087</u>

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Theo Quyết định số 247/QĐ-UBND-HC ngày 29/02/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Tháp, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty để cổ phần hóa là ngày 01/01/2016. Do vậy, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

(g) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu chính	5.352.248.598	6.595.583.891
- Vật liệu phụ	27.120.500	32.162.500
- Nhiên liệu	1.324.238.682	1.767.002.754
- Vật tư thay thế	6.996.051.303	9.868.526.252
Cộng	<u>13.699.659.083</u>	<u>18.263.275.397</u>

(h) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí xây lắp dở dang	12.502.778.677	6.414.609.288
Cộng	<u>12.502.778.677</u>	<u>6.414.609.288</u>

(i) Chi tiết số dư thành phẩm như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thành phẩm tại Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	70.339.934	1.420.191.295
- Thành phẩm tại Nhà máy bê tông	5.748.318.414	3.094.836.078
- Thành phẩm khác	954.544.528	18.328.574
Cộng	<u>6.773.202.876</u>	<u>4.533.355.947</u>

(j) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vật liệu xây dựng	5.688.651.970	4.191.160.547
Cộng	<u>5.688.651.970</u>	<u>4.191.160.547</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

(k) Chi tiết số dư hàng hóa bất động sản như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Bất động sản (nhà đất)	56.707.135.876	55.304.896.126
Cộng	56.707.135.876	55.304.896.126

(l) Chi tiết số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số đầu năm	298.870.498	
- Số trích lập trong năm	-	298.870.498
- Số hoàn nhập trong năm	(298.870.498)	-
- Số cuối năm	<u>-</u>	<u>298.870.498</u>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.022.992.929 (m)	1.349.989.872
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	118.722.000 (n)	118.722.000
Cộng	2.141.714.929	1.468.711.872

(m) Chi tiết số dư chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa tài sản (tường rào)	42.793.218	-
- Chi phí cấp phép khai thác cát	1.980.199.711	1.349.989.872
Cộng	2.022.992.929	1.349.989.872

(n) Chi tiết số dư thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế khác nộp thừa	118.722.000	118.722.000
Cộng	118.722.000	118.722.000

6. Các khoản phải thu dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu dài hạn khác	1.962.324.815 (o)	-
Cộng	1.962.324.815	-

(o) Chi tiết số dư phải thu dài hạn khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Các khoản ký quỹ, ký cược	1.962.324.815	-
Cộng	1.962.324.815	-

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	157.161.199.367	51.921.512.916	27.286.233.751	181.796.478.532
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20.986.341.919	1.030.177.685	1.947.567.323	20.068.952.281
- Máy móc thiết bị	99.993.381.554	39.929.138.048	4.932.849.389	134.989.670.213
- PT vận tải, TB truyền dẫn	21.598.614.260	6.902.858.518	2.973.722.111	25.527.750.667
- Thiết bị quản lý	828.697.827	118.730.000	260.877.260	686.550.567
- Tài sản cố định khác	13.754.163.807	3.940.608.665	17.171.217.668	523.554.804

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

Hao mòn lũy kế	92.361.457.318	14.855.030.698	10.412.739.038	96.803.748.978
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.123.939.474	1.514.594.601	1.426.942.105	7.211.591.970
- Máy móc thiết bị	66.867.917.215	11.007.894.304	4.746.108.912	73.129.702.607
- PT vận tải, TB truyền dẫn	16.042.788.222	2.028.946.305	2.205.027.974	15.866.706.553
- Thiết bị quản lý	828.697.827	15.830.672	260.877.260	583.651.239
- Tài sản cố định khác	1.498.114.580	287.764.816	1.773.782.787	12.096.609
Giá trị còn lại	64.799.742.049			84.992.729.554
- Nhà cửa, vật kiến trúc	13.862.402.445			12.857.360.311
- Máy móc thiết bị	33.125.464.339			61.859.967.606
- PT vận tải, TB truyền dẫn	5.555.826.038			9.661.044.114
- Thiết bị quản lý	-			102.899.328
- Tài sản cố định khác	12.256.049.227			511.458.195

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Mua trong năm	42.145.601.454
- Đầu tư XD CB hoàn thành	5.686.704.914
- Tài sản tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	4.089.206.548
Cộng	51.921.512.916

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	5.403.101.565
- Tài sản giảm do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	4.089.206.548
- Tài sản giảm do chuyển sang công cụ dụng cụ	622.707.970
- Giảm khác do bàn giao KCN Trần Quốc Toàn	17.171.217.668
Cộng	27.286.233.751

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	11.716.475.857
- Khấu hao tăng do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	3.138.554.841
Cộng	14.855.030.698

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

	Số tiền
- Thanh lý, nhượng bán	4.877.693.440
- Khấu hao giảm do điều chỉnh giữa các đơn vị nội bộ	3.138.554.841
- Khấu hao giảm do chuyển sang công cụ dụng cụ	622.707.970
- Khấu hao giảm khác do bàn giao KCN Trần Quốc Toàn	1.773.782.787
Cộng	10.412.739.038

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	4.986.604.330	-	-	4.986.604.330
- Quyền sử dụng đất	2.397.616.725	-	-	2.397.616.725
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- Chi thăm dò, khai thác cát	2.512.987.605	-	-	2.512.987.605
Hao mòn lũy kế	2.016.889.614	187.278.408	-	2.204.168.022
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	76.000.000	-	-	76.000.000
- Chi thăm dò, khai thác cát	1.940.889.614	187.278.408	-	2.128.168.022
Giá trị còn lại	2.969.714.716			2.782.436.308
- Quyền sử dụng đất	2.397.616.725			2.397.616.725
- Phần mềm kế toán	-			-
- Chi thăm dò, khai thác cát	572.097.991			384.819.583

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

	Số tiền
- Khấu hao trong năm	187.278.408
Cộng	187.278.408

9. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí mua sắm TSCĐ	1.118.181.818	-
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	658.598.168
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	12.000.000	-
Cộng	1.130.181.818	658.598.168

10. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty con	11.897.500.000	-	11.897.500.000	-
Cty CP Vận tải BMC Đồng Tháp	9.180.500.000	-	9.180.500.000	-
Cty CP TVTK XD BMC ĐT	2.717.000.000	-	2.717.000.000	-
Công ty liên doanh, liên kết	2.000.000.000	2.000.000.000	12.000.000.000	9.307.538.016
Công ty CP Việt Hồng	-	-	10.000.000.000	7.307.538.016
Cty TNHH Bóng đá Đồng Tháp	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Góp vốn vào đơn vị khác	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670
Công ty CP Docimexco	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670	1.192.413.670
Cộng	15.089.913.670	3.192.413.670	25.089.913.670	10.499.951.686

- Trong năm, do Công ty CP Việt Hồng hoạt động không hiệu quả nên Công ty đã thoái vốn đầu tư tại Công ty CP Việt Hồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

- Công ty TNHH Bông đá Đồng Tháp lỗ âm vốn, đã ngừng hoạt động và đang tiến hành các thủ tục giải thể doanh nghiệp. Công ty vẫn đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.
- Công ty CP Docimexco lỗ âm vốn, đã bị hủy giao dịch trên HOSE. Công ty vẫn đang trích lập dự phòng tổn thất khoản đầu tư.

11. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước dài hạn	1.376.600.000 (p)	1.112.000.000
Cộng	<u>1.376.600.000</u>	<u>1.112.000.000</u>

(p) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí thuê mặt bằng	889.600.000	1.112.000.000
- Chi phí cấp phép khai thác cát	487.000.000	-
Cộng	<u>1.376.600.000</u>	<u>1.112.000.000</u>

12. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	3.468.586.688	1.769.131.156
- Xí nghiệp xây dựng	588.974.954	2.828.524.502
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	6.525.750	-
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	894.109.826	227.273.225
- Nhà máy bê tông	560.754.600	851.774.228
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	8.000.000	-
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	599.827.920	830.791.703
- Cửa hàng Cao Lãnh	1.032.124.632	1.048.368.516
- Cửa hàng Sa Đéc	384.447.476	711.420.850
- Cửa hàng Xẻo Vạt	638.387.152	1.288.937.708
Cộng	<u>8.181.738.998</u>	<u>9.556.221.888</u>

13. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Văn phòng Công ty	2.280.805.242	2.655.611.477
- Xí nghiệp xây dựng	11.520.831.887	49.718.887
- Xí nghiệp cơ khí sửa chữa	-	48.050.000
- Xí nghiệp đầu tư và kinh doanh nhà đất	11.194.374.000	3.540.000.000
- Nhà máy bê tông	2.243.362.332	481.686.057
- Chi nhánh Trung tâm thử nghiệm và kiểm định chất lượng XD BMC – DT	177.436.100	412.013.600
- Cửa hàng Trần Quốc Toàn	1.971.104	113.108.000
- Cửa hàng Cao Lãnh	126.364.474	296.436.475
- Cửa hàng Sa Đéc	42.893.691	188.248.650
- Cửa hàng Xẻo Vạt	77.799.458	202.407.309
Cộng	<u>27.665.838.288</u>	<u>7.987.280.455</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

14. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế GTGT phải nộp	249.850.034	984.280.503
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	939.442.559	1.016.138.798
- Thuế thu nhập cá nhân	146.220.126	189.665.668
- Thuế tài nguyên	1.235.793.260	1.097.984.802
- Các loại thuế khác	348.394.189	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.138.186.287	4.510.389.429
Cộng	<u>6.057.886.455</u>	<u>7.798.459.200</u>

15. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trích trước chi phí xây lắp, thiết kế	775.469.000	225.713.000
- Trích trước CP dự án KCN Trần quốc Toản	5.328.927.054	5.465.400.230
Cộng	<u>6.104.396.054</u>	<u>5.691.113.230</u>

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Kinh phí công đoàn	274.919.201	260.558.061
- Phải trả khác	12.172.460.992	5.129.392
Cộng	<u>12.447.380.193</u>	<u>265.687.453</u>

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- BIDV Đồng Tháp	4.999.995.608	8.914.827.006
Cộng	<u>4.999.995.608</u>	<u>8.914.827.006</u>

18. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	40.895.436.823	22.330.520.453
Cộng	<u>40.895.436.823</u>	<u>22.330.520.453</u>

19. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.133.076.127 (q)	1.353.443.230
Cộng	<u>4.133.076.127</u>	<u>1.353.443.230</u>

(q) Chi tiết số dư nhận ký quỹ, ký cược dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nhận ký quỹ bảo đảm thực hiện công trình	4.133.076.127	1.353.443.230
Cộng	<u>4.133.076.127</u>	<u>1.353.443.230</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	LN sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	307.249.526.616	-	45.090.805.787	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	23.496.806.248
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	6.670.532.932	(6.670.532.932)
Trích quỹ KT viên chức QL	-	-	-	(375.000.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(10.872.907.764)
Nộp thuế môi trường năm trước	-	-	-	(5.324.699.701)
Giảm khác	-	-	(25.000.000)	(253.665.851)
Số dư đầu năm nay	307.249.526.616	-	51.736.338.719	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	27.697.699.355
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.104.235.634	(7.104.235.634)
Trích quỹ KT viên chức q.lý	-	-	-	(347.625.000)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(12.645.838.721)
Bàn giao KCN Trần Quốc Toản	-	-	(15.397.434.881)	-
Phải nộp BQL Khu kinh tế	-	-	(7.796.280.723)	-
Nộp thuế TNDN năm trước	-	-	-	(7.600.000.000)
Số dư cuối năm nay	307.249.526.616	-	35.646.858.749	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hóa	59.985.174.345	53.148.245.788
- Doanh thu thành phẩm	238.497.823.924	211.927.273.698
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.970.264.459	31.937.669.941
- Doanh thu bất động sản	41.785.091.970	21.951.941.817
Cộng	345.238.354.698	318.965.131.244

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại	2.129.037.274	312.668.670
Cộng	2.129.037.274	312.668.670

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn bán hàng hóa	45.378.838.902	39.408.468.953
- Giá vốn thành phẩm	188.924.280.073	193.040.107.033
- Giá vốn bất động sản	27.855.192.714	16.256.516.778
Cộng	262.158.311.689	248.705.092.764

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	14.695.559.379	17.909.262.011
- Lãi Trái phiếu	-	88.136.182
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	918.050.000	555.025.000
- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	68.333.300	33.350.000
- Thu hoạt động tài chính khác	100.022.804	110.056.860
Cộng	15.781.965.483	18.695.830.053

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí lãi vay	366.153.047	530.714.635
- Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	6.000.000	-
- Lỗ bán ngoại tệ	-	2.684.533.387
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(807.538.016)	3.318.180.049
- Chi phí tài chính khác	-	18.181.818
Cộng	(435.384.969)	6.551.609.889

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên	6.846.075.150	5.949.991.574
- Chi phí vật liệu, bao bì	2.702.816.722	3.717.607.695
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	-	3.155.715
- Chi phí khấu hao TSCĐ	3.266.224.756	2.642.683.880
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.377.080.371	8.039.404.804
- Chi phí bằng tiền khác	959.579.566	422.993.854
Cộng	22.151.776.565	20.775.837.522

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nhân viên quản lý	30.408.541.853	24.869.979.871
- Chi phí vật liệu quản lý	303.407.362	386.556.062
- Chi phí đồ dùng văn phòng	166.508.000	179.019.673
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.193.087.560	1.080.053.833
- Thuế, phí và lệ phí	1.074.124.731	795.477.394
- Chi phí dự phòng	(5.011.617.237)	435.269.865
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.479.059.820	1.435.138.620
- Chi phí bằng tiền khác	13.954.003.858	9.621.900.997
Cộng	43.567.115.947	38.803.396.315

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Lãi do nhượng bán, thanh lý TSCĐ	1.288.248.697	1.773.902.081
- Lãi do thanh lý vật tư, bán phế liệu	224.981.869	896.107.469
- Xử lý kết quả kiểm kê thừa	4.421.483.208	3.596.834.462
- Các khoản thu khác	797.439.493	1.727.337.009
Cộng	6.732.153.267	7.994.181.021

9. Chi phí khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

	Năm nay	Năm trước
- Lỗ do thanh lý vật tư, bán phế liệu	1.867.762.413	
- Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác	664.200.025	24.750.257
- Xử lý kết quả kiểm kê thiếu	80.204.480	464.923.344
- Chi phí khác	54.447.000	39.991.141
Cộng	2.666.613.918	529.664.742
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên TNDN chịu thuế năm hiện hành.	7.817.303.669	6.480.066.168
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	7.817.303.669	6.480.066.168
11. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận		
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)</i>		
<i>Lợi nhuận trước thuế năm nay (2)</i>		35.515.003.024
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận tính thuế TNDN (3)</i>		936.245.470
- Các khoản phạt vi phạm chế độ quản lý Nhà nước		664.200.025
- Chi phí không liên quan đến doanh thu, thu nhập chịu thuế TNDN		272.045.445
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)</i>		918.050.000
- Thu nhập từ lãi cổ tức		918.050.000
<i>Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)</i>		35.533.198.494
- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 22%		35.533.198.494
<i>Thuế TNDN</i>		7.817.303.669
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)		7.817.303.669
<i>Tổng lợi nhuận sau thuế (7)=(1)+(2)-(6)</i>		27.697.699.355
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển		7.104.235.634
- Trích lập quỹ khen thưởng Ban điều hành		347.625.000
- Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi		12.645.838.721
- Nộp thuế tài nguyên môi trường năm trước		7.600.000.000
<i>Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</i>		-

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị trình bày: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kê toán năm: không có.
- Thông tin về các bên liên quan: không có.
- Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng năm trước đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.

Số đầu năm một số khoản mục trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, chi tiết như sau:

	Mã số	Số cuối năm trước đã trình bày (31/12/2014)	Số đầu năm nay trình bày lại (01/01/2015)
<u>Bảng cân đối kế toán</u>			
Các khoản phải thu khác	136	626.418.855	2.220.161.676
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	
Tài sản ngắn hạn khác	155	1.593.742.821	
<u>Báo cáo kết quả kinh doanh</u>			
Thu nhập khác		8.926.642.577	7.994.181.021
Chi phí khác		1.462.126.298	529.664.742

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Số liệu đầu năm trên báo cáo tài chính được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Số chứng thực 7718. Quyền số 01..SCT/BS

Ngày 26 tháng 7 năm 2016

Chủ tịch UBND phường Hòa Thuận

(Handwritten signature)



Nguyễn Thu Cúc
Người lập

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc
Đồng Tháp, ngày 04 tháng 05 năm 2016

Võ Minh Khanh